

Bản án số: 113/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19-9-2023
“V/v Ly hôn giữa chị U và anh S”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và bà Nguyễn Thanh Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Ông Trang Minh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Hồng U, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số nhà 120/6 ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Danh S, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện An B, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Võ Thị Hồng U trình bày như sau:

Sau thời gian quen biết và tìm hiểu chị Võ Thị Hồng U (gọi tắt là chị U) và anh Danh S (gọi tắt là anh S) được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào ngày 20/12/2019 âm lịch và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 27/8/2020 theo quy định.

Sau khi kết hôn chị U và anh S sống tại gia đình bên nhà vợ. Vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S hay tụ tập bạn bè uống rượu không lo làm ăn, tiền làm thuê anh S không phụ giúp gia đình mà cất giữ để chi xài cá nhân, mọi việc trong gia đình đều do chị U lo liệu, ngoài ra anh S còn cãi lời cha mẹ vợ. Vào thời điểm năm 2020 khi chị U bị cách ly trong thời gian một tháng do bị nhiễm Covid 19 thì anh S đã bỏ về nhà mẹ ruột ở ấp T, xã Đ, A, Kiên Giang sống và kể từ đó đến nay anh S không còn quan tâm hỏi han tới vợ con. Chị U nhận thấy không thể duy trì hôn nhân với anh S nên yêu cầu tòa án giải quyết cho ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị U xác định vợ chồng có một người con chung tên Danh Võ Tường V, sinh ngày 21/6/2020 hiện còn nhỏ đang sống với chị U. Khi ly hôn chị U có nguyện vọng được nuôi cháu Danh Võ Tường V, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị U xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn anh Danh S vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Hồng U.

Thu thập chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (Bản công chứng); giấy khai sinh của con chung vợ chồng; Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, bị đơn anh Danh S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị U được ly hôn với anh S; về con chung giao Danh Võ Tường V, sinh ngày 21/6/2020 cho chị U tiếp tục nuôi dưỡng, chị U không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa anh Danh S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Chị U yêu cầu ly hôn với anh S và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Chị U và anh S chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị U, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở xác định đời sống hôn nhân của chị U và anh S đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S không chí thú làm ăn để vun vén cho gia đình, tiền bạc làm ra chi xài cá nhân, anh S đã bỏ về nhà mẹ ruột ở ấp T, xã Đ sống ly thân với chị U khoảng 02 năm, trong thời gian ly thân cả hai vợ chồng không còn liên lạc để hàn gắn hôn nhân. Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải đoàn tụ nhưng anh S đều vắng mặt không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết cho chị U ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị U và anh S có một người con chung cháu Danh Võ Tường V, sinh ngày 21/6/2020. Từ khi anh chị ly thân đến nay con chung sống với chị U có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường, hiện tại chị U có chỗ ở ổn định và có thu nhập để đảm bảo việc nuôi con đồng thời cháu Danh Võ Tường V hiện còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, do đó Hội đồng xét xử thống nhất

giao cháu Danh Võ Tường V, sinh ngày 21/6/2020 cho chị U tiếp tục nuôi dưỡng để không làm xáo trộn cuộc sống của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị U không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét trách nhiệm cấp dưỡng.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị U xác định không có tài sản chung, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Chị U xác định không có, không ai có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị U là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Hồng U.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Hồng U và anh Danh S.

2. Về con chung: Giao cháu Danh Võ Tường V, sinh ngày 21/6/2020 cho chị Võ Thị Hồng U tiếp tục nuôi dưỡng sau khi chị Võ Thị Hồng U và anh Danh S ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Võ Thị Hồng U không yêu cầu anh Danh S phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không ai có yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Võ Thị Hồng U có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003742 ngày 21/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Võ Thị Hồng Út đã nộp đủ án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu, HS, VP.

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm